TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/5/2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Bà Vũ Thị Minh N

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức B (tên gọi khác Nguyễn Văn B), nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thanh H, nơi ĐKHKTT: Xóm 1, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Hồng Kông. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – anh Nguyễn Đức B trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Đức B kết hôn với chị Bùi Thanh H

trên cơ sở tự nguyện của hai bên, tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 01 năm 2000. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ngày 10/02/2022, chị H đi lao động tại Hồng Kông, anh B cùng các con vẫn sinh sống ở Việt Nam. Do khoảng cách địa lý nên mỗi khi liên lạc với nhau thì vợ chồng thường xảy ra cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, kinh tế, cách dạy con. Cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng và nặng nề, ảnh hưởng nhiều đến việc học tập của các con. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần song không đạt kết quả. Anh đã liên lạc với chị H qua điện thoại và nói với chị H về việc ly hôn, chị H đồng ý nhưng không gửi giấy tờ gì về Việt Nam. Anh chỉ biết chị H đi lao động tại Hồng Kông, còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì anh không rõ. Tuy nhiên, chị H hiện vẫn đang liên lạc với người thân trong gia đình là bà Vũ Thị Minh N, địa chỉ: Xóm B 1, thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (là mẹ đẻ của chị H). Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị H để anh nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức B và chị Bùi Thanh H có hai con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 18/6/2001 và Nguyễn Phương M, sinh ngày 11/01/2012. Hiện nay, cháu N đã đủ tuổi trưởng thàn Mai h, sức khỏe tốt, không phải nuôi dưỡng. Ly hôn, anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu M, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh xin tự giải quyết với chị H, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức B xin tự giải quyết với chị H về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn – chị Bùi Thanh H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cho mẹ đẻ của chị Bùi Thanh H là bà Vũ Thị Minh N. Tòa án đã 02 lần thông báo cho bà Vũ Thị Minh N cung cấp địa chỉ của chị Bùi Thanh H ở Hồng Kông và yêu cầu bà cho biết kết quả về việc bà đã thông báo cho chị Bùi Thanh H để gửi lời khai về Tòa án chưa. Lời khai của bà Vũ Thị Minh N thể hiện: Chị Bùi Thanh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bà qua mạng internet nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể chị Bùi Thanh H ở Hồng Kông. Gia đình đã thông báo cho chị H về yêu cầu của Tòa án. Chị Bùi Thanh H có quan điểm: Chị Bùi Thanh H đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Đức B. Do chị H ở xa Đại sứ quán Việt Nam ở Hồng Kông nên không thể gửi lời khai về cho Tòa án. Bà Vũ Thị Minh N đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh

Nguyễn Đức B và chị Bùi Thanh H để anh chị được ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức B và chị Bùi Thanh H đều vắng mặt và anh Nguyễn Đức B xin xét xử vắng mặt, không thay đổi lời khai như đã gửi Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Bùi Thanh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Đức B và chị Bùi Thanh H xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 01 năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức B.

Về con chung: Cháu Nguyễn Văn N đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe tốt, không phải nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, giao con chung là Nguyễn Phương M cho anh Nguyễn Đức B chăm sóc, nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức B xin tự giải quyết với chị Bùi Thanh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức B và chị Bùi Thanh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn chị Bùi Thanh H có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Hồng Kông), nguyên đơn anh Nguyễn Đức B hiện đang sinh sống ở thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Đức B và chị Bùi Thanh H đều vắng mặt, anh Nguyễn Đức B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Bùi Thanh H: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Bùi Thanh H vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Nguyễn Đức B và chị Bùi Thanh H xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 01 năm 2000, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sự xa cách về địa lý (anh B sinh sống ở Việt Nam, chị H sinh sống ở nước ngoài) nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, kinh tế, cách dạy con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần xong không đạt kết quả. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Đức B và chị Bùi Thanh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức B: Xử cho anh Nguyễn Đức B ly hôn với chị Bùi Thanh H.

[4] Về con chung: Xét thấy hiện nay, cháu Nguyễn Văn N đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe tốt, không phải nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Phương M, sinh ngày 11/01/2012 đang ở với anh Nguyễn Đức B, chị Bùi Thanh H đang ở Hồng Kông, không có địa chỉ cụ thể, không có lời khai thể hiện quan điểm về con chung. Mặt khác, cháu M có nguyện vọng ở với anh B, gia đình chị Bùi Thanh H đồng ý để cho anh Nguyễn Đức B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần giao con chung là cháu M cho anh Nguyễn Đức B chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức B xin tự giải quyết với chị Bùi Thanh H về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét

xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức B là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức B và chị Bùi Thanh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức B (tức Nguyễn Văn B).

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức B (tức Nguyễn Văn B) ly hôn với chị Bùi Thanh H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Đức B và chị Bùi Thanh H có hai con chung là: Nguyễn Văn N, sinh ngày 18/6/2001 và Nguyễn Phương M, sinh ngày 11/01/2012. Cháu Nguyễn Văn N đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe tốt, không phải nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Giao con chung là Nguyễn Phương M cho anh Nguyễn Đức B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức B xin tự giải quyết với chị Bùi Thanh H, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức B xin tự giải quyết với chị Bùi Thanh H về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức B phải chịu 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006356 ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Đức B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Đức B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Bùi Thanh H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phích